

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG KHÊ
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/4/2024
V/v “Hủy kết hôn trái pháp luật;
Yêu cầu xác định cha, con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thảo và bà Trịnh Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Khuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 15/4/2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2023/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2023 về việc “Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, yêu cầu xác định cha, con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-DS, ngày 27/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: UBND xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ: Xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn N, chức vụ: Chủ tịch UBND xã. Người đại diện theo ủy quyền cho ông N là ông Phan Xuân H; sinh năm: 1969; chức danh: Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã P, huyện H; Có mặt.

- Bị đơn: Chị Sâm Thị N1; sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Lê Khắc L, sinh năm: 1974; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

+ Anh Quách Văn T, sinh năm: 1981; địa chỉ: Thôn N, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn; Xin xử vắng mặt.

+ UBND xã G, huyện P (trước đây nằm chung trong huyện B), tỉnh Bắc Kạn; địa chỉ: Xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo pháp luật ông Dương Văn B; chức vụ: Chủ tịch UBND xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có đơn xin vắng

mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 04/6/2018 ông **Lê Khắc L** và bà **Sầm Thị N1** đến tại **UBND xã P** đăng ký làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình làm việc chị **N1** trình bày do điều kiện hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn bản thân là người dân tộc thiểu số đã chung sống với ông **L** như vợ chồng và đã có thai tám tháng, hiện tại sắp sinh chưa về quê xin giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và cam đoan là chưa đăng ký kết hôn với ai, tình hình ông **L** lúc đó bị bệnh viêm cầu thận đặc biệt nặng hoàn cảnh hết sức khó khăn theo yêu cầu của ông thì đề nghị **UBND xã** tạo điều kiện đăng ký kết hôn để ông toại nguyện trước lúc chết con sinh ra được có cha và cam kết sẽ cùng bà **N1** xin giấy xác nhận hôn nhân gửi vào để **UBND xã** làm căn cứ pháp lý. Do đó, hồ sơ đăng ký kết hôn của ông **L** và bà **N1** gồm có Chứng minh nhân dân mang tên **Lê Khắc L**, sinh năm 1974 và Chứng minh nhân dân mang tên **Sầm Thị N1** sinh năm 1982. Xét thấy hoàn cảnh lúc đó của ông **L**, bà **N1** quá đáng thương và tin tưởng vào cam đoan của bà **N1** công chức Tư pháp đã tiến hành đăng ký kết hôn cho hai người. Sau khi sinh con đã tiến hành đăng ký khai sinh cho con và từ đó họ chung sống với nhau tại **thôn P, xã P, huyện H** cho đến nay.

Vào tháng 10/2023, qua kiểm tra rà soát trên hệ thống hộ tịch **UBND xã P, huyện H** phát hiện bà **Sầm Thị N1** có đăng ký kết hôn với ông **Quách Văn T** vào ngày 10/9/2002 tại **UBND xã G, huyện B**, (nay chia tách gọi **huyện P**), tỉnh **Bắc Kạn** đến nay chưa ly hôn. **UBND xã P, huyện H** tiến hành xác minh thông tin tại bà **Sầm Thị N1**, bà **N1** thừa nhận trước đây bà **N1** đã đăng ký kết hôn với ông **Quách Văn T** nhưng đến nay chưa ly hôn. Nhận thấy việc đăng ký kết hôn giữa ông **Lê Khắc L** và bà **Sầm Thị N1** là trái pháp luật; mặt khác, tại thời điểm bà **N1** mang thai, sinh con vào ngày 28/7/2018 thì đang có quan hệ hôn nhân với anh **T**, theo quy định pháp luật con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng, nhưng bà **N1** và ông **L** trình bày người con do bà **N1** sinh ra vào ngày 28/7/2018 là con chung của bà **N1** và ông **L**. Do đó **UBND xã P, huyện H** khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà **Sầm Thị N1** với ông **Lê Khắc L** và xác định cha đẻ của người con do bà **N1** sinh ra vào ngày 28/7/2018 cháu **Lê Khắc T1**.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Trích lục kết hôn của ông **Quách Văn T** với bà **Sầm Thị N1**; Trích lục kết hôn của ông **Lê Khắc L** với bà **Sầm Thị N1**; Tờ khai đăng ký kết hôn giữa ông **Lê Khắc L** và bà **Sầm Thị N1**; Trích lục đăng ký khai sinh cháu **Lê Khắc T1**; Biên bản xác minh của **UBND xã P, huyện H**; các bản tự khai.

- Tại văn bản trình bày ý kiến, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị **Sầm Thị N1** trình bày: Chị thừa nhận các nội dung liên quan đến quan hệ vợ chồng với anh **Quách Văn T**, cũng như quá trình đăng ký kết hôn với anh **Lê Khắc L** và yêu cầu khởi kiện của **UBND xã P, huyện H** là đúng. Vào năm 2002 chị có đăng ký kết hôn với anh **Quách Văn T** tại **UBND xã G, huyện B** (nay gọi là **huyện**

P), sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay. Do chị và anh T ly thân quá lâu, cắt đứt mọi liên lạc nên chị nghĩ hôn nhân giữa chị và anh T đã chấm dứt. Vào năm 2018 chị quen biết, nảy sinh tình cảm và quyết định đăng ký kết hôn với anh Lê Khắc L, trú tại thôn P, xã P, huyện H vào ngày 04/6/2018 tại UBND xã P, huyện H. Đến ngày 28/7/2018 thì chị sinh con cho anh L và được UBND xã P, huyện H đăng ký khai sinh vào ngày 05/8/2018. Nay chị nhận thức được quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T đang là hôn nhân hợp pháp và việc chị đăng ký kết hôn với anh L khi chưa ly hôn với anh T là trái pháp luật nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Đồng thời đề nghị Tòa án xác định anh Quách Văn T không phải là cha đẻ của người con do chị sinh ra vào ngày 28/7/2018; mà xác định anh Lê Khắc L là cha đẻ của người con do chị sinh ra vào ngày 28/7/2018. Các tài liệu, chứng cứ chị NI cung cấp: Giấy đăng ký kết hôn giữa chị và anh Lê Khắc L; giấy khai sinh của con mang tên Lê Khắc T1; đơn yêu cầu trưng cầu giám định AND; các bản tự khai.

- Tại văn bản trình bày ý kiến, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Khắc L trình bày: Vào năm 2016 anh gặp, nảy sinh tình cảm yêu thương với chị Sâm Thị N1. Quá trình tìm hiểu anh được biết trước đây chị N1 đã có chồng nhưng đã ly hôn, sau một thời gian tìm hiểu nên anh và chị N1 chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2017, đến cuối năm 2017 chị N1 mang thai nên anh và chị N1 quyết định tiến tới hôn nhân. Anh và chị N1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện H vào ngày 04/6/2018. Sau khi chị N1 sinh con thì đã đăng ký khai sinh cho con vào ngày 28/7/2018. Nay UBND xã P, huyện H khởi kiện yêu cầu hủy kết hôn giữa anh và chị N1 với lý do vì chị N1 chưa ly hôn với anh Quách Văn T thì anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định. Đồng thời, đề nghị Tòa án xác định anh là cha đẻ của người con do chị N1 sinh ra vào ngày 28/7/2018. Tài liệu, chứng cứ anh Long cung c: Bản tự khai.

- Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập: Sau khi thụ lý vụ án, ngày 04/12/2023 Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quyết định ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, lấy lời khai và tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn và anh Quách Văn T. Kết quả như sau:

+ Tại biên bản lấy lời khai ông Dương Văn B, đại diện hợp pháp UBND xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn trình bày: Qua kiểm tra hồ sơ lưu tại UBND xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn thể hiện: Anh Quách Văn T và chị Sâm Thị N1 có đăng ký kết hôn vào ngày 10/9/2002, theo sổ đăng ký kết hôn 10/2002, đến nay anh T và chị N1 chưa ly hôn, UBND xã G, huyện P (trước đây nằm chung trong huyện B) không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của UBND xã P, huyện H. Các tài liệu, chứng cứ UBND xã G cung cấp: Trích lục kết hôn; các bản sao giấy khai sinh.

+ Tại biên bản lấy lời khai anh Quách Văn T trình bày: Anh và chị Sâm Thị N1 là vợ chồng, đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại UBND xã G, huyện P, tỉnh Bắc

Kạn, đến nay chưa giải quyết ly hôn. Sau khi cưới anh và chị **N1** có 03 người con chung tên là **Quách Thị T2**, sinh ngày 13/4/2001; **Quách Thị N2**, sinh ngày 04/02/2005 và **Quách Thị K**, sinh ngày 04/8/2006 (hiện nay cháu **T2** và cháu **N2** đã có gia đình riêng, còn cháu **K** hiện đang do anh **T** nuôi dưỡng). Anh **T** không biết gì về việc chị **N1** đăng ký kết hôn và sinh con cho người đàn ông khác, cũng như không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của **UBND xã P, huyện H**. Do đó, anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo pháp luật và cho vắng mặt anh.

+ Kết quả trưng cầu giám định: Ngày 14/12/2023 Tòa án ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 474/2023/QĐ-TCGD để thực hiện giám định quan hệ huyết thống giữa anh **Lê Khắc L** và người con do chị **N1** sinh ra vào ngày 28/7/2018 (có tên khai sinh là **Lê Khắc T1**). Tại Kết quả xét nghiệm AND số 5041H/2023 ngày 20/12/2023 của Công ty TNHH C kết luận: Anh **Lê Khắc L** có quan hệ huyết thống bố - con với **Lê Khắc T1**, độ tin cậy trên 99,99%.

- *Chi phí tố tụng*: Bị đơn chị **Sầm Thị N1** có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành giám định AND và nhận nộp toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ theo quy định. Do đó vụ án thuộc trường hợp không được tiến hành hòa giải nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý đơn, giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Ý kiến giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đối chiếu với các quy định của pháp luật có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **UBND xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh**:

+ Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị **Sầm Thị N1** và anh **Lê Khắc L**; Yêu cầu chị **N1** và anh **L** chấm dứt quan hệ vợ chồng.

+ Xác định anh **Quách Văn T** không phải là cha đẻ của người con do chị **Sầm Thị N1** sinh ra vào ngày 28/7/2018 (có tên khai sinh **Lê Khắc T1**); Xác định anh **Lê Khắc L** là cha đẻ của người con do chị **Sầm Thị N1** sinh ra vào ngày 28/7/2018 (có tên khai sinh **Lê Khắc T1**);

- Án phí: **UBND xã P, huyện H** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quyền yêu cầu, thẩm quyền giải quyết việc dân sự: UBND xã P, huyện H có đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Sâm Thị N1 và anh Lê Khắc L quy định tại Điều 8, Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình. Đồng thời, yêu cầu Tòa án xác định cha cho con quy định tại khoản 4 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị N1 và anh L đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện H; bị đơn chị N1 có nơi cư trú tại thôn P, xã P, huyện H nên TAND huyện Hương Khê thụ lý giải quyết vụ án dân sự là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Quách Văn T; UBND xã G, huyện P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 và đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt UBND xã G, huyện P và anh Quách Văn T theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Sâm Thị N3 với anh Quách Văn T. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị N3; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T và UBND xã G, huyện P đều thừa nhận: Vào năm 2002, anh T và chị N3 trên cơ sở tự do, tự nguyện cùng nhau thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện P (trước đây nằm chung trong huyện B) lưu hồ sơ số 10/2002. Quá trình chung sống, anh T và chị N3 có 03 người con chung tên là Quách Thị T2, sinh ngày 13/4/2001; Quách Thị N2, sinh ngày 04/02/2005 và Quách Thị K, sinh ngày 04/8/2006. Kể từ năm 2012, anh T và chị H1 sống ly thân nhau, đến nay chưa làm thủ tục ly hôn. Lời trình bày các đương sự phù hợp trích lục kết hôn số 01/2024/TLKH-BS ngày 04/01/2024 UBND xã G, huyện P và giấy khai sinh các con. Do đó có căn cứ xác định hôn nhân giữa anh T và chị N3 là hôn nhân hợp pháp.

Việc chị N3 đang có hôn nhân hợp pháp với anh T mà vẫn tiếp tục yêu cầu UBND xã P, huyện H tiến hành đăng ký kết hôn với anh L và việc UBND xã P, huyện H chỉ căn cứ vào lời khai về tình trạng hôn nhân của chị N3, không yêu cầu chị N3 cung cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, cũng như không xác minh làm rõ tình trạng hôn nhân của chị N3 tại thời điểm đăng ký kết hôn với anh L mà vẫn tiến hành đăng ký kết hôn cho anh Lê Khắc L với chị Sâm Thị N1 và cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 04/6/2018 là vi phạm quy định về điều kiện kết hôn “Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác...” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, việc đăng ký kết hôn cho chị N1 và anh L là việc kết hôn trái pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của UBND xã P, huyện H về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Sâm Thị N1 và anh Lê Khắc L của UBND xã P, huyện H là đúng điểm c khoản 1 Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 2 Điều 10, khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều

12 Luật Hôn nhân và gia đình; phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[2.2] Về yêu cầu xác định cha, con: Sau khi ly thân anh **T** một thời gian, chị **N1** mang thai và sinh con vào ngày 28/7/2018, có tên khai sinh là **Lê Khắc T1**. Hội đồng xét xử thấy, tại thời điểm chị **N1** mang thai thì quan hệ hôn nhân giữa chị **N1** và anh **T** là quan hệ hôn nhân hợp pháp (chưa đăng ký kết hôn với anh **L**), cũng như thời điểm chị **N1** sinh con chị **N1** và anh **T** đang là vợ chồng hợp pháp, theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng...*”. Như vậy người con do chị **N1** sinh ra trên là con chung của chị **N1** và anh **T**. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị **N1** và anh **L** đều khẳng định người con do chị **N1** sinh ra vào ngày 28/7/2018, có tên khai sinh **Lê Khắc T1** là con chung của chị **N1** và anh **L**; căn cứ Kết quả xét nghiệm AND số 5041H/2023 ngày 20/12/2023 của **Công ty TNHH C** kết luận: Anh **Lê Khắc L** có quan hệ huyết thống bố - con với cháu **Lê Khắc T1**, độ tin cậy trên 99,99%.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định cha, con, xác định anh **Quách Văn T** không phải là cha đẻ của người con có tên khai sinh **Lê Khắc T1**, do chị **N1** sinh ra vào ngày 28/7/2018; đồng thời, xác định anh **Lê Khắc L** là cha đẻ của người con có tên khai sinh là **Lê Khắc T1**, do chị **N1** sinh ra vào ngày 28/7/2018 tại **Bệnh viện Đa khoa huyện H, tỉnh Hà Tĩnh**.

[3] Về chi phí tố tụng: Chị **Sầm Thị N1** nhận nộp toàn bộ chi phí tố tụng, chị **N1** đã nộp đủ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho **UBND xã P, huyện H**.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 8, điểm b khoản 2 Điều 10, khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 88, Điều 89, khoản 2 Điều 101, khoản 3 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4, 7 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 2 Điều 11, điểm b khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh** về việc hủy kết hôn trái pháp luật và xác định cha cho con:

- Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị **Sầm Thị N1** và anh **Lê Khắc L** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 04/6/2018 của **UBND xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh**. Buộc chị **Sầm Thị N1** và anh **Lê Khắc L** chấm dứt quan hệ vợ chồng.

- Xác định anh **Quách Văn T** không phải là cha đẻ của người con có tên khai sinh **Lê Khắc T1**, do chị **N1** sinh ra vào ngày 28/7/2018 tại **Bệnh viện Đa khoa huyện H, tỉnh Hà Tĩnh**.

- Xác định anh **Lê Khắc L** là cha đẻ của người con có tên khai sinh là **Lê Khắc T1**, do chị **N1** sinh ra vào ngày 28/7/2018 tại **Bệnh viện Đa khoa huyện H, tỉnh Hà Tĩnh**.

2. Án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho **UBND xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh**.

3. Quyền kháng cáo: **UBND xã P, huyện H, chị Sầm Thị N1** và anh **Lê Khắc L** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; **UBND xã G, huyện P, tỉnh Bắc Cạn** và anh **Quách Văn T** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ông Nguyễn Quốc Thảo

Trịnh Thị Hà

Trần Quốc Khánh

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hương Khê;
- Chi cục THADS Hương Khê;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Khánh